

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 31/03/2024 | 26,700 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 9.6% | 16.5% | 23.2% |

| | | |
|------------|--------------|-------------------|
| | 2023 | |
| ROE | 12.3% | +/- YoY ▼ 7.3% |

| | | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q1/24 | | |
| DT thuần | 88.2 | QoQ ▼ 49.8 ▼ 36.1% | YoY ▼ 26.8 ▼ 23.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|-------------------------|
| | 2023 | |
| DT thuần | 542 | YoY ▼ 139 ▼ 20.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN gộp | 30.3 | QoQ ▼ 39.6 ▼ 56.7% | YoY ▼ 24.9 ▼ 45.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

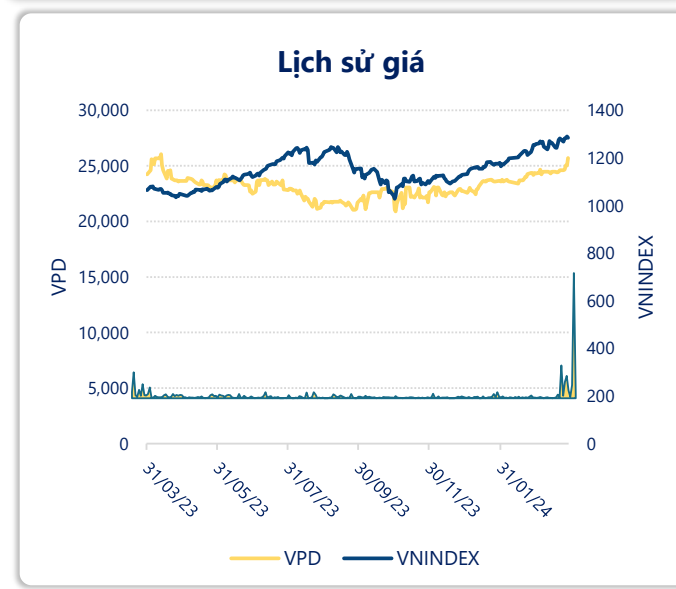
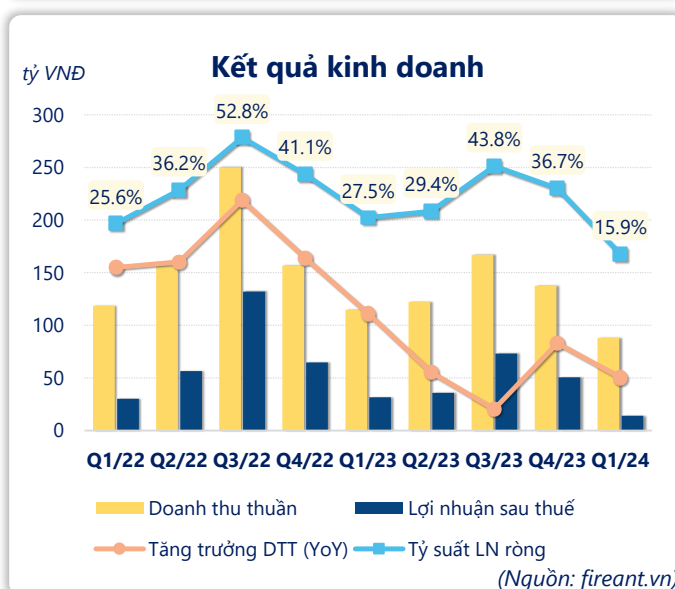
| | | |
|---------------|------------|-------------------------|
| | 2023 | |
| LN gộp | 279 | YoY ▼ 124 ▼ 30.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN thuần | 17.6 | QoQ ▼ 38.8 ▼ 68.7% | YoY ▼ 19.9 ▼ 52.9% |
| | tỷ VNĐ | | |

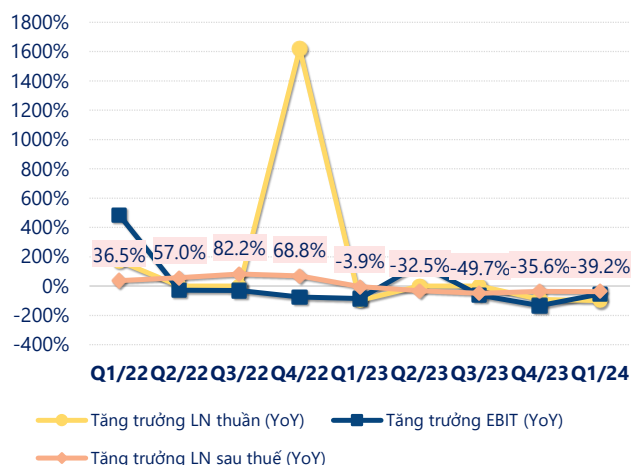
| | | |
|-----------------|------------|-------------------------|
| | 2023 | |
| LN thuần | 219 | YoY ▼ 100 ▼ 31.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN sau thuế | 14.0 | QoQ ▼ 36.5 ▼ 72.2% | YoY ▼ 17.6 ▼ 55.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

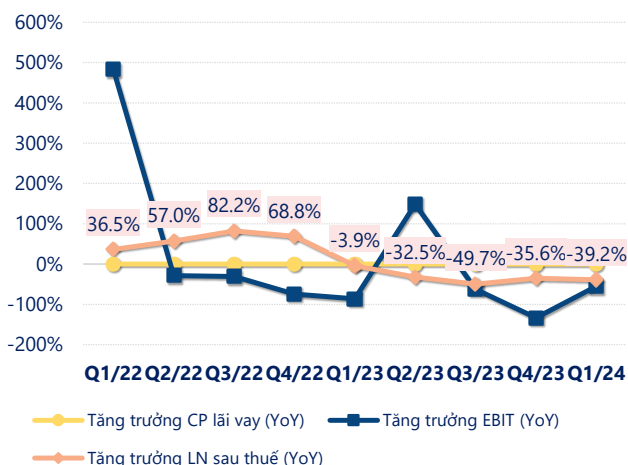
| | | |
|--------------------|------------|--------------------------|
| | 2023 | |
| LN sau thuế | 190 | YoY ▼ 94.0 ▼ 32.9% |
| | tỷ VNĐ | |



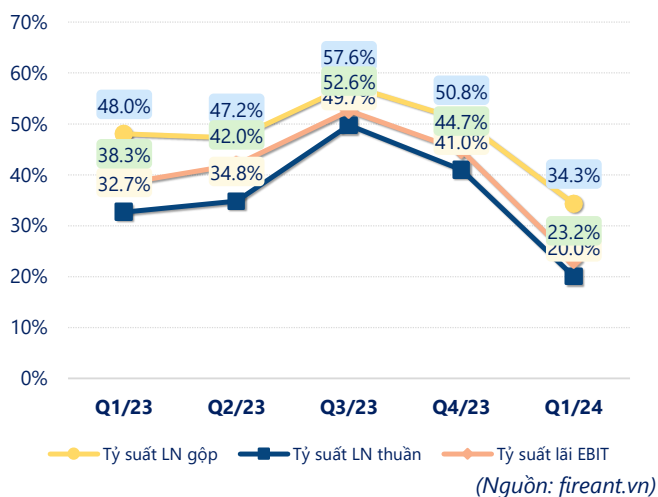
Tăng trưởng lợi nhuận



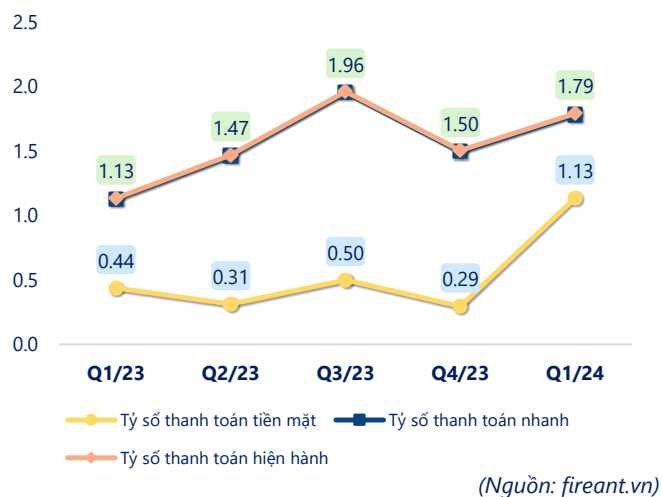
Tăng trưởng chi phí



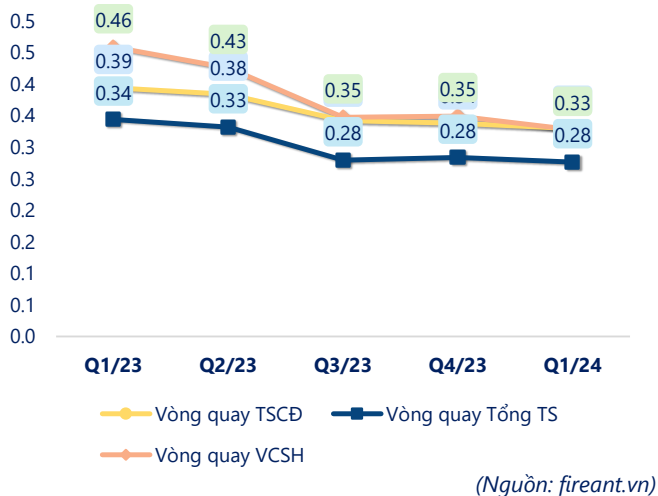
Tỷ suất lợi nhuận



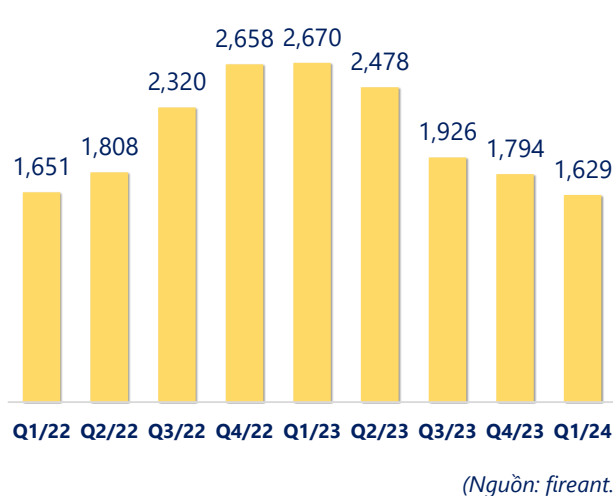
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/24 | Q1/23 | Thay đổi YoY | 2023 | 2022 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 88.2 | 115 | -23.3% | 542 | 681 | -20.5% |
| Giá vốn hàng bán | 57.9 | 59.7 | -3.0% | 263 | 279 | -5.7% |
| Lợi nhuận gộp | 30.3 | 55.2 | -45.2% | 279 | 403 | -30.7% |
| Doanh thu HĐTC | 0.36 | 0.70 | -48.8% | 1.57 | 2.26 | -30.6% |
| Chi phí TC | 3.19 | 9.48 | -66.4% | 25.1 | 48.6 | -48.5% |
| Chi phí lãi vay | 2.85 | 6.61 | -56.9% | 24.0 | 47.0 | -49.0% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 9.79 | 8.84 | 10.7% | 36.8 | 37.5 | -1.9% |
| LN thuần từ HĐKD | 17.6 | 37.5 | -52.9% | 219 | 319 | -31.3% |
| Lợi nhuận khác | -0.07 | -0.14 | 53.5% | 1.20 | 11.4 | -89.5% |
| LN trước thuế | 17.6 | 37.4 | -53.0% | 220 | 330 | -33.3% |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.0 | 31.6 | -55.6% | 190 | 284 | -32.9% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 14.0 | 31.6 | -55.6% | 190 | 284 | -32.9% |

(Nguồn: fireant.vn)

